

Unit 6.2:

/ou/ /au/



soul

ocean

cold

home

hope

focus

toe

road

coat

know

pillow

window

yellow

/soʊl/

/'oʊʃn/

/koʊld/

/hoʊm/

/hoʊp/

/'foʊkəs/

/toʊ/

/roʊd/

/koʊt/

/noʊ/

/'piʊloʊ/

/'wɪndoʊ/

/'jeləʊ/

tâm hồn

đại dương

lạnh

nhà

hi vọng

tập trung

ngón chân

con đường

áo khoác

biết

chiếc gối

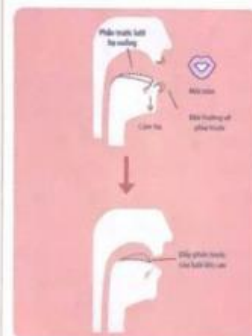
cửa sổ

màu vàng

/ou/



/ou/ - GOAT (con dê)



/ou/ là nguyên âm dài.

Bắt đầu phát âm âm này bằng âm /o/ sau đó chuyển sang âm /u/. Để phát âm /ou/, miệng mở tròn và dần khép, miệng tròn, đọc âm này nhẹ nhàng.

/ou/



- I feel very **cold**.
/ai/ /fi:l/ /very/ /koʊld/

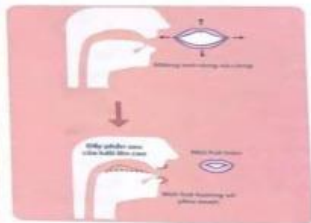


- I want to come back **home**.
/ai/ /wɑ:nt/ /tu:/ /kʌm/ /bæk//hoʊm/





/au/ - COW (con bò)



/au/ là nguyên âm dài.

Bắt đầu phát âm âm này bằng âm /a/ sau đó chuyển sang âm /u/. Để phát âm /au/, lúc đầu miệng mở to, đẩy hơi trong cuống họng, khi kết thúc âm, miệng chu lại chút.



3.5
b

owl	/aʊl/	con cú
shout	/ʃaʊt/	hét lên
how	/haʊ/	như thế nào
now	/naʊ/	bây giờ
vowel	/ˈvaʊəl/	nguyên âm
loud	/laʊd/	âm ĩ
mouth	/maʊθ/	miệng
sound	/saʊnd/	âm thanh
flower	/ˈflaʊər/	hoa
mouse	/maʊs/	con chuột
doubt	/daʊt/	sự nghi ngờ
thousand	/ˈθaʊznd/	nghìn

/au/



LIVEWORKSHEETS

/au/



- ❑ I'm very **proud** of you.
/aɪ//æm// 'veri//praʊd//əv//ju:/

- ❑ Why should you buy me some **flowers**?
/waɪ/ /ʃʊd/ /ju:/ /baɪ/ /mi:/ /sʌm// 'flaʊərs/

- ❑ Because you're so special.
/bi'kʌz/ /jɔ:(r)/ /səʊ/ / 'speʃl/



LIVEWORKSHEETS